

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HS-ST
Ngày: 25-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Nhã
2. Ông Huỳnh Thái Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên Tòa: Ông Lê Hồng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa đối với bị cáo:

Nguyễn Thái T (Tên gọi khác: BT), sinh năm 1989 tại huyện V, Khánh Hòa.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: TDP 10, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện tại: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Thái H và bà Ngô Thị Kim T; Vợ, con: Chưa.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 03/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 25/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 06 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** Ông Bùi Trọng B, sinh năm: 1971, trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Nguyễn Văn M – sinh năm: 1990, trú tại: Tổ dân phố số 07, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị G, sinh năm: 1970, trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

3. Bà Bùi Thị B, sinh năm: 1971, trú tại: Tổ dân phố số 07, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thái T là người đã bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/7/2021, T gặp Nguyễn Văn M và rủ M đi trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài, M đồng ý. M điều khiển xe mô tô biển số 79V1-536.30 chở T đến thôn H, xã T, huyện V thì thấy 01 (một) cây dù che ngoài trời màu đen của ông Bùi Trọng B đang để trước nhà, không có người trông coi. T nói M trộm cắp cây dù này thì M đồng ý và dừng xe lại. T đi bộ đến ôm cây dù rồi ngồi lên phía sau xe mô tô biển số 79V1-536.30 để M điều khiển xe chở T đến thôn T, xã L, huyện V tiêu thụ. Tại đây, M bán cây dù cho bà Trần Thị G được số tiền 290.000 đồng. Vụ việc sau đó bị cơ quan chức năng phát hiện.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 96/2021/KL-TTHS ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 cây dù che ngoài trời, màu đen, chiều cao 2.2 m, loại thường, đã qua thời gian sử dụng có giá trị là **960.000 đồng** (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSVN ngày 17/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Nguyễn Thái T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thái T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T mức hình phạt từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thái T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, là một công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Bùi Trọng B có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị G, bà Bùi Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thái T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đồng thời, qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/7/2021, tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Thái T đã có hành vi trộm cắp 01 (một) cây dù che ngoài trời của ông Bùi Trọng B trị giá 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tài sản bị cáo trộm cắp trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa được xóa án tích về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 76/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên hành vi lần này của bị cáo vẫn đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo có đủ khả năng nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và rủ rê người khác thực hiện cùng. Ngoài tiền án về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo vẫn còn tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nhưng vẫn không có ý thức cải tạo mà tiếp tục vi phạm, cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo chưa được xóa án tích về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 69/2015/HSST ngày 03/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện V nên phải tính để xác định tái phạm đối với bị cáo. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì các lý do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 290.000 đồng (Hai trăm chín mươi nghìn đồng) thu lợi bất chính do Nguyễn Văn M giao nộp, đang tạm giữ tại tài khoản 39490904239000000, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện V, Khánh Hòa.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Bùi Trọng B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên không xét.

Trong quá trình điều tra và truy tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G, bà Bùi Thị B không có yêu cầu bồi thường gì. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét, nếu có yêu cầu sẽ xét xử sau theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn M đã có hành vi cùng Nguyễn Thái T trộm cắp tài sản trị giá 960.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên, M chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa có tiền án về các tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự do đó hành vi của M chưa cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M về hành vi này.

Đối với bà Trần Thị G có hành vi mua cây dù do Nguyễn Văn M bán nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Bùi Thị B không biết Nguyễn Văn M sử dụng xe mô tô biển số 79V1-536.30 để trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 290.000 đồng (Hai trăm chín mươi nghìn đồng) tại tài khoản số 39490904239000000 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện V, Khánh Hòa.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thái T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V (02 bản);
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Triều